UBND QUẬN HỒNG BÀNG
TRƯỜNG MẦM NON THƯỢNG LÝ

KẾ HOẠCH
Phát triển giáo dục Mầm non công lập năm học 2024 - 2025

I. Một số thông tin:

1. Số trẻ trên địa bàn phường: 518 trẻ.

STT	Trẻ sinh năm	Số trẻ trên địa bàn phường	Số trẻ đến trường, lớp		Số trẻ chưa đi học
			Trẻ học tại các cơ sở GDMN trên địa bàn phường	Trẻ đi học nơi khác (phường khác, quận khác)	
1	2019	184	146	38	0
2	2020	108	94	8	0
3	2021	101	80	8	13
4	2022	80	20	0	60
5	2023	40	0	0	40
6	2024	5	0	0	5
Tổng		**518**	**340**	**54**	**118**

2. Số trẻ trên địa bàn tại đơn vị được phân công quản lý:

- Gồm các tổ: Đường mới 1,2,3; Đình hạ 1,2,3,4; Venice; Monaco là: 518 trẻ, trong đó:

STT	Trẻ sinh năm	Số trẻ trên địa bàn trường quản lý	Số trẻ đến trường, lớp (các tổ do trường quản lý)			Số trẻ chưa đi học
			Trẻ học tại trường	Trẻ học tại các cơ sở GDMN khác	Trẻ đi học nơi khác (phường khác, quận khác)	
1	2019	184	101	45	38	0
2	2020	108	54	32	8	14
3	2021	101	31	49	8	13
4	2022	80	0	20	0	60
5	2023	40	0	0	0	40
6	2024	5	0	00	0	5
Tổng		**518**	**186**	**146**	**54**	**132**

- Tổng số phòng học: 13
- Tổng số phòng chức năng: 2 (trong đó phòng hội trường: 01; phòng NK, tiếng anh: 01; văn phòng trường: 01).
- Tổng diện tích các phòng chức năng: 262 m^2 .

II. Kế hoạch:

1. Số nhóm, lớp, số trẻ:

NHÀ TRẺ								
Nội dung	**Bột, cháo**		**Cơm nát**		**Cơm thường**		**Cộng**	
	Số trẻ	**Số lớp**	**Số trẻ**	**Số lớp**	**Số trẻ**	**Số lớp**	**Số trẻ**	**Số lớp**
Thực hiện 2023 - 2024					48	02	46	02
Kế hoạch 2024 - 2025			20	01	40	02	60	03
Tổng DT các phòng học			58.7m^2		117.4 m^2		176.1 m^2	
Bình quân số m^2/trẻ năm học 2024 - 2025			2.93$m^{2/}$trẻ		2.93$m^{2/}$trẻ		2.93$m^{2/}$trẻ	

MẪU GIÁO								
Nội dung	**3 tuổi**		**4 tuổi**		**5 tuổi**		**Cộng**	
	Số trẻ	**Số lớp**	**Số trẻ**	**Số lớp**	**Số trẻ**	**Số lớp**	**Số trẻ**	**Số lớp**
Thực hiện 2023 - 2024	67	03	114	04	118	04	299	11
Kế hoạch 204 - 2025	75	03	81	03	120	04	276	11
Tổng DT các phòng học	172.7m^2		171m^2		243.6m^2		587.3 m^2	
Bình quân số m^2/trẻ năm học 2024 - 2025	2.3m$^{2/}$trẻ		2.28m$^{2/}$trẻ		2.03m$^{2/}$trẻ		2.12m$^{2/}$trẻ	

Tổng số trẻ toàn trường						
Nội dung	**Nhà trẻ**		**Mẫu giáo**		**Cộng**	
	Số trẻ	**Số lớp**	**Số trẻ**	**Số lớp**	**Số trẻ**	**Số lớp**
Thực hiện 2023 - 2024	46	02	299	11	345	13
Kế hoạch 2024 - 2025	60	02	276	11	336	13

2. Lao động: *(KH 2024-2025 thực hiện theo TT 19/2023-BGD ĐT)*

Thành phần chi tiết	**Thực hiện 2023 - 2024**		**KH 2024-2025**		**So sánh**		**Đề nghị bổ sung LĐ 2024 - 2025**	**Lý do đề nghị bổ sung**
	BC	**HĐ**	**BC**	**HĐ**	**Thừa**	**Thiếu**		
1. Lãnh đạo, quản lý	**03**		**03**					
2. CDNN chuyên ngành	**27**		**28**					
- GV nhà trẻ (không quá 2,5 GV/lớp)	05		07			01	01	Thiếu 01 GV
- GV mẫu giáo (không quá 2,2 GV/lớp)	22		21					
- Hỗ trợ GD người KT								
3. CM dùng chung	**01**		**02**					
KT, VT, TQ, TV	01		02			01	01	Thiếu 01 NV
4. Hỗ trợ, phục vụ		**09**		**10**				
Y tế học đường								
NV Phục vụ								
NV Bảo vệ		03		03				
NV Nấu ăn		06		07		01	01	Thiếu 01 NV
Tổng 1+2+3	**31**		**33**					
Tổng 1,2,3,4	**40**		**43**					

*** Ghi chú:**

I. Từ khi giao định biên cho nhà trường năm học **2023 - 2024** hết năm học **2024-2025** có 0 người biên chế nghỉ hưu.

II. Số nhân viên nấu ăn hưởng chế độ 1,86 từ ngân sách thành phố là 6 người, cụ thể:

1. Đỗ Thị Thu Hằng
2. Vũ Thị Mai Anh
3. Nguyễn Thị Nghĩa

4. Nguyễn Thị Lan
5. Bùi Thị Thanh Vân
6. Vũ Thị Thành

So với quy định: Thiếu 01 nhân viên.

Hồng Bàng, ngày 26 tháng 04 năm 2024

HIỆU TRƯỞNG

Trần Thị Khương